SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO – HNX 09/2016

QUY CHẾ THÀNH VIÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số .... /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2016 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh hoạt động của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại là thành viên thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (dưới đây viết tắt là SGDCKHN).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Thành viên* là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được SGDCKHN chấp thuận trở thành thành viên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN.

2. *Thành viên giao dịch* là các công ty chứng khoán được SGDCKHN chấp thuận trở thành thành viên thị trường chứng khoán phái sinh. Thành viên giao dịch được phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh và môi giới chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN.

3. *Thành viên giao dịch đặc biệt* là các ngân hàng thương mại được SGDCKHN chấp thuận trở thành thành viên thị trường chứng khoán phái sinh. Thành viên giao dịch đặc biệt chỉ được được đầu tư chứng khoán phái sinh trên trái phiếu chính phủ tại SGDCKHN.

4. *Thành viên tạo lập thị trường* là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt đồng thời là thành viên tạo lập thị trường đăng ký và được SGDCKHN chấp thuận cho thực hiện hoạt động tạo lập thị trường cho một hoặc một số loại chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN.

5. *Hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh* là hệ thống công nghệ thông tin dùng cho hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN.

6. *Đại diện giao dịch* là nhân viên do thành viên cử và được SGDCKHN cấp thẻ đại diện giao dịch để thực hiện việc nhập lệnh của thành viên vào hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN.

Chương II. THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Mục I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LÀM THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 3. Điều kiện làm thành viên giao dịch

Công ty chứng khoán đăng ký trở thành thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Nghị định 42/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/5/2015 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các điều kiện sau:

1. Đáp ứng yêu cầu của SGDCKHN về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCKHN và đảm bảo yêu cầu kết nối với hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN;

b) Phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch và thanh toán chứng khoán phái sinh đáp ứngđược các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và SGDCKHN;

c) Trang thông tin điện tử đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin giao dịch chứng khoán phái sinh và thông tin công bố của công ty chứng khoán;

d) Có đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy định: Lãnh đạo công nghệ thông tin có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành trở lên với ít nhất một (01) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ít nhất hai (02) cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin có bằng đại học chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên, trong đó ít nhất một (01) cán bộ có chứng chỉ chuyên môn về hệ thống mạng, bảo mật, phần mềm.

2. Đáp ứng các quy định về quy trình nghiệp vụ phù hợp với các nghiệp vụ được cấp phép.

3. Trường hợp công ty chứng khoán đã từng là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN, chỉ được đăng ký lại thành viên:

a) Sau hai (02) năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện;

b) Sau ba (03) năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc.

4. Các điều kiện khác do SGDCKHN quy định.

Điều 4. Xét duyệt tư cách thành viên giao dịch

1. Việc xét duyệt tư cách thành viên giao dịch đối với công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên thị trường chứng khoán phái sinh do Hội đồng tư cách thành viên thực hiện;

2. Hội đồng tư cách thành viên do Tổng giám đốc SGDCKHN quyết định thành lập;

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư cách thành viên do Tổng giám đốc SGDCKHN quy định.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch

Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch của công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

1. Đơn đăng ký làm thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lục 01/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện môi giới chứng khoán phái sinh do UBCKNN cấp;

3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắc là TTLKCK) cấp hoặc bản sao hợp lệ Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh trong trường hợp công ty chứng khoán không phải là thành viên bù trừ;

4. Bản sao hợp lệ Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) phụ trách hoạt động chứng khoán phái sinh; trưởng bộ phận bù trừ, thanh toán và nhân viên nghiệp vụ thuộc các bộ phận kinh doanh chứng khoán phái sinh; bản sao hợp lệ văn bằng chứng chỉ của nhân sự bộ phận công nghệ thông tin;

5. Các quy trình, quy định và tài liệu hướng dẫn theo danh mục tại Phụ lục 02/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

6. Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, thuyết minh kỹ thuật hệ thống phần mềm, nhân sự phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lục 03/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

7. Hồ sơ cấp thẻ đại diện giao dịch theo quy định;

8. Sau khi SGDCKHN chấp thuận CTCK là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch có nộp bổ sung Điều lệ công ty có quy định liên quan tới hoạt động chứng khoán phái sinh đã được đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua.

9. Trường hợp công ty chứng khoán không phải là thành viên trên thị trường chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tại SGDCKHN phải nộp bổ sung hồ sơ theo danh mục tại Phụ lục 04/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Thủ tục đăng ký làm Thành viên giao dịch

1. Công ty chứng khoán muốn đăng ký làm thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh phải nộp Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho SGDCKHN theo quy định.

2. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, SGDCKHN thực hiện công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký làm thành viên của công ty chứng khoán trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK;

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đăng ký thành viên, SGDCKHN có trách nhiệm trả lời công ty chứng khoán về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp phát hiện cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký làm thành viên, công ty chứng khoán phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCKHN. Trong thời gian xét duyệt tư cách thành viên, nếu có bất kỳ thay đổi nào so với hồ sơ

đăng ký ban đầu, công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên giao dịch có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đúng quy định;

4. Công ty chứng khoán thực hiện các thủ tục kết nối giao dịch theo Quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối tới SGDCKHN;

5. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và báo cáo hoàn tất việc chuẩn bị cơ sở vật chất và triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại công ty chứng khoán, SGDCKHN gửi văn bản thông báo lịch kiểm thử hệ thống giao dịch.

6. Trường hợp đạt yêu cầu về kiểm thử hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh theo yêu cầu của SGDCKHN, công ty chứng khoán gửi văn bản đề nghị SGDCKHN kiểm tra cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh của công ty. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của công ty chứng khoán, SGDCKHN sẽ tiến hành kiểm tra cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin của công ty chứng khoán.

Trường hợp kết quả kiểm thử hệ thống giao dịch không đạt yêu cầu, SGDCKHN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.Công ty chứng khoán có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống giao dịch và đăng ký kiểm thử lại hệ thống.

7. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin đạt yêu cầu, SGDCKHN sẽ ban hành Thông báo chấp thuận về nguyên tắc để công ty chứng khoán triển khai các công việc chuẩn bị giao dịch;

8. Sau khi SGDCKHN ban hành Thông báo chấp thuận về nguyên tắc, Công ty chứng khoán hoàn thành các công việc sau:

a. Hoàn tất việc ký kết hợp đồng cung cấp thông tin với SGDCKHN và các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác (nếu có);
b. Bổ sung các tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng cho việc triển khai giao dịch (nếu SGDCKHN yêu cầu);
c. Đăng ký ngày giao dịch chính thức.

9. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công ty chứng khoán hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch theo quy định tại Khoản 8 Điều này, SGDCKHN sẽ ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên, Quyết định cấp thẻ đại diện giao dịch và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

10. SGDCKHN có quyền từ chối chấp thuận tư cách thành viên khi:

a. Hồ sơ đăng ký làm thành viên có thông tin sai sự thật;
b. Công ty chứng khoánkhông đạt yêu cầu về kiểm tra cơ sở vật chất;
c. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên, công ty chứng khoán không hoàn thiện thủ tục để được chấp thuận tư cách thành viên;
d. Các trường hợp khác mà SGDCKHNxét thấy cần thiết sau khi xin ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp từ chối chấp thuận tư cách thành viên, SGDCKHN có văn bản gửi công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên nêu rõ lý do và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

11. Trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày được chấp thuận tư cách thành viên, nếu thành viên không triển khai hoạt động giao dịch trênhệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN, Quyết định chấp thuận thành viên không còn giá trị. SGDCKHNthực hiện công bố thông tin về nội dung này trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Mục II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 7. Quyền của thành viên giao dịch

Thành viên giao dịch được hưởng các quyền sau:

1. Được hưởng các quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 11/2016/TT-BTC;

2. Nhận các thông tin cung cấp theo hợp đồng ký kết với SGDCKHN;

3. Được tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên sau khi được SGDCKHN chấp thuận;

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và SGDCKHN.

Điều 8. Nghĩa vụ của thành viên giao dịch

Thành viên giao dịch phải tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 11/2016/TT-BTC;

2. Duy trì điều kiện làm thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh quy định tại Điều 3 Quy chế này;

3. Tuân thủ các quy dịnh pháp luật liên quan và các quy chế, quy trình nghiệp vụ đối với thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh do SGDCKHN ban hành;

4. Tuân thủ quy định do SGDCKHN ban hành về Hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCKHN;

5. Kiểm soát chặt chẽ tình hình đặt lệnh của nhà đầu tư; thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thanh toán và quản lý ký quỹ giao dịch theo quy định của pháp luật;

6. Thành viên giao dịch phải thiết lập hệ thống công nghệ và hệ thống quy định, quy trình về quản trị rủi ro phục vụ hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của SGDCKHN;

8. Nộp phí cho SGDCKHN theo quy định của Bộ Tài chính;

9. Tuân thủ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định và đăng ký sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCKHN;

10. Hỗ trợ thành viên khác theo yêu cầu của SGDCKHN trong trường hợp cần thiết;

11. Trường hợp được SGDCKHN chỉ định làm thành viên giao dịch thay thế cho thành viên giao dịch chấm dứt hoạt động, thành viên giao dịch có trách nhiệm phải tiếp nhận tài khoản khách hàng của thành viên giao dịch chấm dứt hoạt động đó;

12. Duy trì tối thiểu một (01) đại diện giao dịch cho thị trường chứng khoán phái sinh và chịu trách nhiệm đối với hoạt động của các đại diện giao dịch đó;

13. Trường hợp thành viên giao dịch thay đổi thành viên bù trừ phải báo cáo bằng văn bản cho SGDCKHN sau khi được TTLKCK chấp thuận trong vòng ba (03) ngày làm việc và gửi cho SGDCKHN các tài liệu sau:

a. Bản sao hợp lệ Công văn chấp thuận của TTLKCK về việc thành viên giao dịch thay đổi thành viên bù trừ;
b. Bản sao hợp lệ Hợp đồng ủy thác bù trừ ký với thành viên bù trừ thay thế.

14. Trong trường hợp xét thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích công chúng đầu tư, theo yêu cầu của SGDCKHN sau khi được UBCKNN chấp thuận, thành viên giao dịch có trách nhiệm:

a. Thanh lý vị thế, đóng các vị thế mở trong giao dịch tự doanh của mình; thanh lý vị thế, đóng các vị thế mở của các khách hàng của mình. Trình tự, thủ tục, mức giá thực hiện theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán;
b. Chuyển toàn bộ các vị thế mở, bàn giao quyền, trách nhiệm nghĩa vụ đối với khách hàng cho thành viên giao dịch khác;
c. Dừng ký mới hợp đồng mở tài khoản giao dịch; dừng tiếp nhận, thực hiện lệnh giao dịch;
d. Các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật theo yêu cầu của SGDCKHN.

15. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của SGDCKHN.

Mục III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a. Báo cáo tháng: Trong vòng năm(5) ngày làm việc của tháng tiếp theo, thành viên giao dịch phải nộp các báo cáo sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lục 05/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tháng theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

– Báo cáo tình hình đóng, mở, ủy quyền tài khoản của khách hàng theo mẫu tại Phụ lục 06/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này.

b. Báo cáo quý, báo cáo bán niên và báo cáo năm: Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh thực hiện nghĩa vụ báo cáo tương tự như đối với thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu theo quy định tại Quy chế Thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành theo Quyết định 309/QĐ-SGDHN ban hành ngày 27/5/2015.

2. Báo cáo bất thường:

Thành viên giao dịch phải thông báo bằng văn bản cho SGDCKHN trong vòng 24h kể từ khi Thành viên giao dịch:

a. Bị đình chỉ một hoặc một số hoạt động hoạt động kinh doanh chứng khoán;
b. Bị đình chỉ, chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh;
c. Bị mất khả năng thanh toán hoặc có khả năng phá sản, giải thể;
d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

3. Báo cáo theo yêu cầu:

Trường hợp cần thiết, SGDCKHN có quyền yêu cầu Thành viên giao dịch báo cáo bằng văn bản trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.

Điều 10. Chế độ công bố thông tin

Thành viên giao dịch thực hiện công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin khác (nếu có) theo Quy chế Công bố thông tin của SGDCKHN và quy định của pháp luật về báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Hình thức nộp báo cáo và công bố thông tin

Thành viên giao dịch có trách nhiệm nộp báo cáo, tài liệu công bố thông tin cho SGDCKHN dưới hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số thông qua Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCKHN. Đối với các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính có soát xét/kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận, thành viên giao dịch đồng thời gửi báo cáo, công bố thông tin cho SGDCKHN theo hình thức dữ liệu điện tử qua Hệ thống quản lý thông tin công ty và theo hình thức văn bản.

Mục IV. ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH VÀ CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 12. Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch:

1. SGDCKHN đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch khi:

a. Thành viên giao dịch bị UBCKNN đình chỉ hoạt động môi giới, tự doanh hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh;

b. Thành viên giao dịch hoặc thành viên bù trừ ký Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên giao dịch bị TTLKCK đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;
c. Thành viên giao dịch vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các nghĩa vụ quy định tại Điều 8 Quy chế này;
d. Không khắc phục được tình trạng vi phạm sau khi bị SGDCKHN cảnh cáo do chậm nộp phí;
e. Các trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Sau khi nguyên nhân đình chỉ hoạt động giao dịch đã được khắc phục, SGDCKHN khôi phục quyền tham gia giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN cho Thành viên giao dịch.

3. Thành viên giao dịch phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí và chi phí liên quan trong khoảng thời gian bị đình chỉ hoạt động giao dịch.

4. Thành viên giao dịch bị đình chỉ có nghĩa vụ thỏa thuận, xác lập thành viên giao dịch thay thế. Trong trường hợp không thể thực hiện được, SGDCKHN có quyền chỉ định thành viên giao dịch thay thế để tiếp nhận các quyền, nghĩa vụ của thành viên giao dịch bị đình chỉ. Thành viên giao dịch bị đình chỉ có nghĩa vụ cung cấp mọi thông tin cần thiết về nhà đầu tư cho thành viên giao dịch thay thế và tiếp tục thực hiện mọi nghĩa vụ của mình cho tới khi hoàn tất việc bàn giao quyền, nghĩa vụ cho thành viên giao dịch thay thế.

Điều 13. Ngừng hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch

SGDCKHN ngừng hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch khi:

1. Thành viên giao dịch tạm ngừng hoạt động môi giới hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và được UBCKNN chấp thuận;

2. Thành viên giao dịch ngừng giao hoạt động giao dịch để thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh;

3. Thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện/bắt buộc.

Điều 14. Chấm dứt tư cách thành viên giao dịch

Tư cách thành viên giao dịch bị chấm dứt khi:

1. Thành viên giao dịch tự nguyện xin chấm dứt tư cách thành viên và được SGDCKHN chấp thuận;

2. Thành viên giao dịch thuộc diện chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc khi:
   a. Bị rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán chứng khoán phái sinh, bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán;
   b. Không đáp ứng được các điều kiện về thành viên giao dịch được quy định tại Điều 4 Quy chế này;
   c. Bị sáp nhập, giải thể, phá sản;

d. Sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ngừng giao dịch để chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện, thành viên không hoàn thành các nghĩa vụ theo yêu cầu của SGDCKHN;
e. Vi phạm các quy định về thành viên của SGDCKHN tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác về chứng khoán phái sinh một cách có hệ thống hoặc hành vi vi phạm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của SGDCKHN;
f. Các trường hợp khác mà SGDCKHN cho rằng phải chấm dứt tư cách thành viên để bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư.

Điều 15. Chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện

1. Điều kiện chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện:

Khi đề nghị chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện, thành viên giao dịch phải hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định của Bộ Tài chính đối với SGDCKHN tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện.

2. Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên giao dịch để thực hiện hợp nhất công ty chứng khoán, hồ sơ và thủ tục thực hiện theo quy định tại Mục VII Chương II Quy chế này.

3. Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện:

Trường hợp thành viên giao dịch có nguyện vọng chấm dứt tư cách thành viên, thành viên giao dịch nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên cho SGDCKHN tối thiểu 45 ngày trước ngày dự định chấm dứt tư cách thành viên. Ngày chính thức chấm dứt tư cách thành viên do SGDCKHN quyết định. Hồ sơ bao gồm tài liệu, chứng từ sau:

a. Đơn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lục 07/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;
b. Nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), hoặc quyết định của chủ sở hữu, Chủ tịch Hội đồng thành viên (đối với công ty TNHH) về việc chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinhtại SGDCKHN;
c. Phương án xử lý các hợp đồng kinh doanh kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, bao gồm cả phương án xử lý các tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng (theo mẫu tại Phụ lục 08/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này). Phương án bao gồm các nội dung cơ bản sau:

– Thời điểm dự kiến chấm dứt tư cách thành viên giao dịch của SGDCKHN, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ của TTLKCK (nếu có)
– Thời điểm ngừng giao dịch để chốt số dư tài khoản của khách hàng; thời hạn tất toán hoặc chuyển tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng cho thành viên thay thế theo yêu cầu của khách hàng;
– Phương án xử lý đối với tài khoản tồn, tài khoản có tranh chấp.

d. Thỏa thuận/Hợp đồng chuyển giao tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng cho Thành viên giao dịch khác;

4. Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện:

a. Thành viên giao dịch muốn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh nộp Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên cho SGDCKHN theo quy định.
b. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày SGDCKHN nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên, SGDCKHN thực hiện xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thành viên có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của SGDCKHN.
c. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCKHN thực hiện công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên.
d. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên, SGDCKHN xác định các nghĩa vụ thành viên giao dịch phải thực hiện với SGDCKHN và ra thông báo ngừng giao dịch chứng khoán phái sinh đồng thời công bố thông tin về thông báo ngừng giao dịch trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN. Ngày ngừng giao dịch phải đảm bảo sau ngày SGDCKHN công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên tối thiểu 30 ngày.
e. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ngừng giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN, thành viên giao dịch thực hiện công bố thông tin về việc ngừng giao dịch và thời gian xử lý tài khoản giao dịch, tài sản ký quỹ trên một (01) tờ báo viết hàng ngày có phạm vi phát hành toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của thành viên giao dịch. Thời gian xử lý tài khoản giao dịch, tài sản ký quỹ phải đảm bảo để khách hàng làm thủ tục xử lý tài khoản giao dịch, tài sản ký quỹ theo yêu cầu của khách hàng trước ngày ngừng giao dịch trên SGDCKHN và xác định thời điểm chuyển giao tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng chưa làm thủ tục xử lý tài khoản sang công ty chứng khoán nhận chuyển giao.
f. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thành viên ngừng giao dịch, SGDCKHN xác định, thông báo phí giao dịch thành viên giao dịch phải nộp. Thành viên giao dịch có trách nhiệm nộp phí giao dịch trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo phí giao dịch của SGDCKHN.
g. Thành viên giao dịch phải nộp tài liệu chứng minh kết quả thực hiện các nội dung quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này cho SGDCKHN trong vòng 60 ngày kể từ ngày ngừng giao dịch;
h. SGDCKHN ra Quyết định chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi thành viên giao dịch hoàn thành các nội dung quy định tại Điểm f, Điểm g Khoản 4 Điều này và công bố thông tin về Quyết định chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

5. Trong quá trình chấm dứt tư cách thành viên giao dịch, tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng được xử lý như sau:

- Tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng được thành viên giao dịch xin chấm dứt tư cách thành viên chuyển cho thành viên giao dịch thay thế mà khách hàng yêu cầu;

- Đối với các trường hợp không có yêu cầu của khách hàng về việc lựa chọn thành viên giao dịch thay thế, thành viên giao dịch xin chấm dứt tư cách thành viên có trách nhiệm lựa chọn thành viên giao dịch thay thế và chuyển giao toàn bộ tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng

- Trường hợp thành viên giao dịch xin chấm dứt tư cách thành viên không lựa chọn được thành viên giao dịch thay thế, SGDCKHN có quyền chỉ định thành viên giao dịch thay thế. Thành viên giao dịch thay thế được SGDCKHN chỉ định có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng từ thành viên giao dịch xin chấm dứt tư cách thành viên.

Điều 16. Chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc

1. Đối với trường hợp chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc quy định tại Tiết d Khoản 2 Điều 14 Quy chế này, SGDCKHN thông báo bằng văn bản cho thành viên giao dịch và công bố thông tin về việc buộc chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

2. Các trường hợp còn lại quy định tại Khoản 2 Điều 14 Quy chế này, SGDCKHN thực hiện:

- Thông báo bằng văn bản cho thành viên giao dịch về việc ngừng giao dịch chứng khoán phái sinh để chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc đồng thời xác định các nghĩa vụ thành viên phải thực hiện với SGDCKHN;
- SGDCKHN thực hiện công bố thông tin về thông báo ngừng giao dịch chứng khoán phái sinh để chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được Thông báo ngừng giao dịch chứng khoán phái sinh để chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc của SGDCKHN, thành viên giao dịch có nghĩa vụ công bố thông tin trên website của thành viên về việc bị chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc và ngày ngừng giao dịch chứng khoán phái sinh trên SGDCKHN.

3. Thành viên giao dịch có trách nhiệm hoàn thành các nội dung sau trong vòng 60 ngày kể từ ngày ngừng giao dịch để chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc hoặc bị buộc chấm dứt tư cách thành viên:

- Hoàn thành nghĩa vụ liên quan đến nhà đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Hoàn thành nghĩa vụ phí theo quy định của Bộ Tài chính đối với SGDCKHN;

4. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này hoặc sau 60 ngày kể từ ngày thông báo buộc chấm dứt tư cách thành viên theo Khoản 1 Điều này hoặc thông báo ngừng giao dịch để chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này, SGDCKHN ra quyết định chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh

và công bố thông tin về quyết định chấm dứt tư cách thành viên trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Mục VII. HỢP NHẤT THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Các công ty chứng khoán thành viên giao dịch tham gia hợp nhất đồng gửi Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất cho SGDCKHN. Thời gian giữa ngày nộp hồ sơ và ngày dự định hợp nhất phải đảm bảo đủ để các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất thực hiện các thủ tục chuyển giao tài khoản của khách hàng.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị chấm dứt thành viên của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất

Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất bao gồm:

1. Đơn đề nghị hợp nhất thành viên do các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất đồng gửi theo mẫu tại Phụ lục 09/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng thành viên/ Chủ sở hữu của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất về việc hợp nhất công ty;
3. Quyết định về việc chấp thuận hợp nhất công ty chứng khoán của UBCKNN. Tài liệu chứng minh việc các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất đã công bố thông tin và thông báo đến khách hàng Quyết định chấp thuận hợp nhất của UBCKNN và các tài liệu kèm theo, phương án chuyển giao tài khoản của khách hàng để đảm bảo giao dịch liên tục và thông suốt;
4. Phương án xử lý các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, bao gồm cả phương án xử lý các tài khoản giao dịch và tài sản ký quỹ của khách hàng.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất

1. Trường hợp các công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN:
   a. Đơn đề nghị hợp nhất thành viên do các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất đồng gửi theo mẫu quy định tại Phụ lục 09/QCTVPS ban hành kèm Quy chế này;
   b. Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất về việc cam kết sử dụng nguyên trạng cơ sở vật chất, hệ thống, phần mềm giao dịch, thông số kỹ thuật, địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến và/ hoặc giao dịch từ xa, nhân sự, quy trình, quy chế hiện tại của một trong các công ty chứng khoán cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất (sau đây gọi là kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch);

c. Tài liệu mô tả hệ thống công nghệ thông tin, danh sách cán bộ tin học kèm theo bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ về công nghệ thông tin;

d. Điều lệ của công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất;

e. Hồ sơ cấp thẻ đại diện giao dịch theo quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp một trong các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất không phải là thành viên giao dịch trên thị trường phái sinh của SGDCKHN

a. Trường hợp công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch của một trong các công ty chứng khoán đang là thành viên của SGDCKHN, Hồ sơ đăng ký làm thành viên gồm các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này.

b. Trường hợp công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất không kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch của một trong các công ty chứng khoán đang là thành viên của SGDCKHN, Hồ sơ đăng ký làm thành viên thực hiện theo quy tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 19. Thủ tục xét duyệt hồ sơ hợp nhất thành viên

1. Trường hợp công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch của một trong các công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch của SGDCKHN:

a. Các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất phải nộp Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất theo quy định tại Điều 17 và Khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

b. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCKHN thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN về việc tiếp nhận hồ sơ chấm dứt thành viên và hồ sơ đăng ký thành viên.

c. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ, SGDCKHN thông báo về ngày ngừng giao dịch, các nghĩa vụ thành viên phải thực hiện với SGDCKHN và thực hiện công bố thông tin về việc ngừng giao dịch trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

d. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ngừng giao dịch của SGDCKHN, các công ty chứng khoán thành viên tham gia hợp nhất thực hiện công bố thông tin về việc ngừng giao dịch. Sau khi ngừng giao dịch, các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất phải thanh toán các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với SGDCKHN, hoàn tất việc chuyển giao tài khoản của khách hàng sang công ty chứng khoán kế thừa.

e. Sau khi nhận được thông báo của UBCKNN về ngày hợp nhất công ty chứng khoán, SGDCKHN ra quyết định chấm dứt tư cách thành viên đối với các thành viên tham gia hợp nhất; chấp thuận tư cách thành viên, chấp thuận kết nối giao dịch, thông báo phí kết nối giao dịch cho công ty chứng khoán hình

thành sau hợp nhất và thực hiện công bố thông tin theo quy định trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN. Các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất thực hiện công bố thông tin về các Quyết định chấp thuận liên quan đến hợp nhất công ty chứng khoán theo quy định.

f. Quyết định chấm dứt tư cách thành viên của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, Quyết định chấp thuận tư cách thành viên đối với công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất có hiệu lực cùng ngày với ngày hợp nhất được UBCKNN chấp thuận.

2. Đối với trường hợp công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất không kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch của một trong số công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch của SGDCKHN, thủ tục đăng ký làm thành viên cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 20. Hoàn thiện hồ sơ

Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi có quyết định cấp dấu của cơ quan có thẩm quyền, công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất phải hoàn thiện và bổ sung hồ sơ đăng ký thành viên theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất hoàn thiện hồ sơ đăng kí làm thành viên, SGDCKHN kiểm tra cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình, quy chế của công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất.

Điều 21. Hồ sơ và thủ tục hợp nhất thành viên giao dịch đối với công ty chứng khoán đồng thời là thành viên thị trường niêm yết

Trường hợp các thành viên giao dịch tham gia hợp nhất đồng thời là thành viên giao dịch trên thị trường niêm yết, hồ sơ và thủ tục hợp nhất thành viên giao dịch thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch trên thị trường niêm yết tại Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại SGDCKHN ban hành kèm Quyết định số 309/QĐ-SGDHN ngày 37/5/2015 và bổ sung các tài liệu sau:

a. Đối với hồ sơ đề nghị chấm dứt thành viên giao dịch của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất:

– Phương án xử lý các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, bao gồm cả phương án xử lý các tài khoản giao dịch và tài sản ký quỹ của khách hàng.

b. Đối với hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất

– Tài liệu mô tả hệ thống công nghệ thông tin, danh sách cán bộ tin học kèm theo bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ về công nghệ thông tin phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh;

– Hồ sơ cấp thẻ đại diện giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh theo quy định tại Quy chế này.

Chương III. THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

Điều 22. Điều kiện làm thành viên giao dịch đặc biệt

Ngân hàng thương mại đăng ký trở thành thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định 42/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/5/2015 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các điều kiện sau:

1. Đáp ứng yêu cầu của SGDCKHN về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh bao gồm:

a. Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCKHN và đảm bảo yêu cầu kết nối với hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN;

b. Phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch và thanh toán chứng khoán phái sinh đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và SGDCKHN;

c. Có đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy định: Lãnh đạo công nghệ thông tin có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành trở lên với ít nhất một (01) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ít nhất hai (02) cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin có bằng đại học chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên, trong đó ít nhất một (01) cán bộ có chứng chỉ chuyên môn về hệ thống mạng, bảo mật, phần mềm.

2. Đáp ứng các quy định về quy trình nghiệp vụ phù hợp với nghiệp vụ được cấp phép.

3. Các điều kiện khác do SGDCKHN quy định.

Điều 23. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt

Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt của ngân hàng thương mại bao gồm:

1. Đơn đăng ký làm thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lục 01/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

2. Bản sao hợp lệ Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mai thực hiện đầu tư chứng khoán phái sinh;

3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là thành viên bù trừ do TTLKCK cấp hoặc bản sao hợp lệ Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh trong trường hợp ngân hàng thương mại không là thành viên bù trừ;

4. Các quy trình và tài liệu hướng dẫn giao dịch, cụ thể:

a. Quy trình giao dịch chứng khoán phái sinh;

b. Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch;

c. Quy trình vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh tại công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên

5. Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, nhân sự phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 03/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này.

6. Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch theo quy định tại Quy chế này.

Điều 24. Thủ tục đăng ký làm thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh

1. Ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh phải nộp Hồ sơ đăng ký cho SGDCKHN theo quy định.

2. Trong vòng hai (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên, SGDCKHN thông báo trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký làm thành viên của ngân hàng thương mại.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch đặc biệt thị trườngchứng khoán phái sinh, SGDCKHN có trách nhiệm trả lời ngân hàng thương mại về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp phát hiện cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký làm thành viên, ngân hàng thương mại phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCKHN. Trong thời gian xét duyệt tư cách thành viên, nếu có bất kỳ thay đổi nào so với hồ sơ đăng ký ban đầu, ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

4. Ngân hàng thương mại thực hiện các thủ tục kết nối giao dịch theo Quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối với SGDCKHN

5. Trong vòng (03) ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và báo cáo hoàn tất việc chuẩn bị cơ sở vật chất và triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại ngân hàng thương mại, SGDCKHN gửi văn bản thông báo lịch kiểm thử hệ thống giao dịch.

Trường hợp đạt yêu cầu về kiểm thử hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh theo yêu cầu của SGDCKHN, ngân hàng thương mại gửi văn bản đề nghị SGDCKHN kiểm tra cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin phục vụ gioa dịch chứng khoán phái sinh của ngân hàng. Trong vòng (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng, SGDCKHN sẽ tiến hành kiểm tra cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng.

Trường hợp kết quả thử nghiệm hệ thống giao dịch không đạt yêu cầu, SGDCKHN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Ngân hàng có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống giao dịch và đăng ký kiểm thử lại hệ thống.

6. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất đạt yêu cầu, SGDCKHN ra thông báo chấp thuận nguyên tắc yêu cầu ngân hàng thương mại hoàn thành các công việc sau:

a. Chuẩn bị nhân sự và thiết bị kỹ thuật sẵn sàng cho việc giao dịch chứng khoán phái sinh.

b. Đăng ký ngày giao dịch đầu tiên.

7. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch theo quy định tại Khoản 5 Điều này, SGDCKHN ban hành Quyết định công nhận thành viên, Quyết định cấp thẻ đại diện giao dịch chứng khoán phái sinh và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

8. SGDCKHN có quyền từ chối chấp thuận tư cách thành viên khi:

a. Hồ sơ đăng ký thành viên có thông tin sai sự thật;

b. Ngân hàng thương mại không đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;

c. Ngân hàng thương mại không đạt yêu cầu về kiểm tra cơ sở vật chất;

d. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên, ngân hàng thương mại không hoàn thiện thủ tục để được chấp thuận tư cách thành viên;

e. Các trường hợp khác do SGDCKHN quyết định.

Trong trường hợp từ chối chấp thuận tư cách thành viên, SGDCKHN có văn bản gửi ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên nêu rõ lý do và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Điều 25. Quyền của thành viên giao dịch đặc biệt

1. Được hưởng các quyền quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP.

2. Kết nối và thực hiện giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh và sử dụng các dịch vụ dành cho thành viên giao dịch đặc biệt do SGDCKHN cung cấp.

3. Được tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt sau khi được SGDCKHN chấp thuận;

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và SGDCKHN.

Điều 26. Nghĩa vụ của thành viên giao dịch đặc biệt

1. Duy trì điều kiện làm thành viên giao dịch đặc biệt của thị trường chứng khoán phái sinh theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;

2. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan và các quy chế, quy trình nghiệp vụ đối với thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh do SGDCKHN ban hành;

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của SGDCKHN;

4. Nộp phí cho SGDCKHN theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Có trách nhiệm tạm ngừng giao dịch, ngắt kết nối với hệ thống của Sở trong trường hợp (i) hệ thống của Sở gặp sự cố hoặc/và (ii) hệ thống của Thành viên gặp sự cố theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của SGDCKHN.

6. Duy trì tối thiểu (01) đại diện giao dịch cho thị trường chứng khoán phái sinh và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch trong các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN

7. Tuân thủ nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định;

8. Trường hợp thành viên giao dịch thay đổi thành viên bù trừ phải báo cáo bằng văn bản cho SGDCKHN sau khi được TTLKCK chấp thuận và gửi cho SGDCKHN các tài liệu sau:

a. Bản sao hợp lệ Công văn chấp thuận của TTLKCK về việc thành viên giao dịch thay đổi thành viên bù trừ;
b. Bản sao hợp lệ Hợp đồng ủy thác bù trừ ký với thành viên bù trừ thay thế.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của SGDCKHN.

Điều 27. Chế độ báo cáo

1. Thành viên giao dịch đặc biệt phải nộp các loại báo cáo sau:

1.1. Báo cáo định kỳ:

Hàng tháng, trong vòng mười (10) ngày làm việc của tháng tiếp theo, thành viên giao dịch đặc biệt phải nộp Báo cáo hoạt động đầu tư chứng khoán phái sinh hàng tháng cho SGDCKHN theo theo mẫu tại Phụ lục 13/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này.

1.2. Báo cáo bất thường

Thành viên giao dịch đặc biệt phải thông báo bằng văn bản cho SGDCKHN trong vòng 24 h kể từ khi thành viên giao dịch đặc biệt:

a. Chấm dứt Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ (trong trường hợp thành viên giao dịch đặc biệt không phải là thành viên bù trừ);
b. Bị chấm dứt tư cách thành viên bù trừ chung/ trực tiếp;
c. Bị mất khả năng thanh toán hoặc có khả năng phá sản, giải thể;
d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Báo cáo theo yêu cầu

Trường hợp cần thiết, SGDCKHN có quyền yêu cầu thành viên giao dịch đặc biệt báo cáo bằng văn bản trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.

2. Hình thức nộp báo cáo

Thành viên giao dịch đặc biệt có trách nhiệm nộp báo cáo cho SGDCKHN dưới hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số thông qua Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCKHN.

Điều 28. Chế độ công bố thông tin

1. Việc thực hiện công bố thông tin của thành viên giao dịch đặc biệt phải tuân thủ các quy định về công bố thông tin tại Thông tư của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương.

2. Hình thức công bố thông tin

Thành viên giao dịch đặc biệt có trách nhiệm công bố thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số thông qua Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCKHN.

Điều 29. Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch đặc biệt

1. Thành viên bị đình chỉ hoạt động giao dịch trong các trường hợp sau:

a. Không đáp ứng được điều kiện làm thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;

b. Thành viên giao dịch đặc biệt vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các nghĩa vụ quy định tại Điều 26 Quy chế này

c. Thành viên giao dịch đặc biệt hoặc thành viên bù trừ ký Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên giao dịch đặc biệt bị TTLKCK đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;

d. Các trường hợp khác mà SGDCKHN thấy cần thiết để bảo vệ thị trường.

2. Sau khi nguyên nhân đình chỉ hoạt động giao dịch được khắc phục, SGDCKHN khôi phục quyền tham gia giao dịch trên hệ thống chứng khoán phái sinh cho thành viên giao dịch đặc biệt.

3. Thành viên giao dịch có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí và chi phí liên quan trong thời gian bị đình chỉ hoạt động giao dịch.

Điều 30. Chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt

1. Tự nguyện xin chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt

1.1. Thành viêntự nguyện xin chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt và được SGDCKHN chấp thuận.

1.2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện bao gồm:

Đơn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên thị trường chứng khoán phái sinh theo mẫu tại Phụ lúc 04/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

1.3. Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt tự nguyện:

a. Thành viên giao dịch đặc biệt nộp Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh cho SGDCKHN;

b. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt, SGDCKHN gửi công văn thông báo ngày ngừng hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN và công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN về việc tiếp nhận hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt;

c. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh theo thông báo của SGDCKHN, SGDCKHN gửi công văn xác định các nghĩa vụ thành viên phải thực hiện trước khi chấm dứt tư cách thành viên.

d. Trong vòng ba (03) ngày kể từ khi thành viên hoàn thành các nghĩa vụ theo như công văn của SGDCKHN, Tổng Giám đốc SGDCKHN ban hành Quyết định chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh.

e. Thành viên giao dịch đặc biệt có thể thực hiện giao dịch thông qua một thành viên giao dịch của SGDCKHN sau khi có Quyết định chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Chấm dứt bắt buộc tư cách thành viên giao dịch đặc biệt:

2.1. Thành viên giao dịch đặc biệt bị buộc chấm dứt tư cách thành viên khi:

a. Không đáp ứng các điều kiện về thành viên giao dịch đặc biệt quy định tại Điều 22 Quy chế này;

b. Bị sát nhập, giải thể, phá sản;

c. Trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ngừng giao dịch để chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện, thành viên giao dịch đặc biệt không hoàn thành các nghĩa vụ theo yêu cầu của SGDCKHN;

d. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 29 Quy chế này, thành viên giao dịch đặc biệt không có các biện pháp khắc phục;

e. Vi phạm các quy định về thành viên giao dịch đặc biệt của SGDCKHN tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan một cách có hệ thống hoặc hành vi vi phạm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của SGDCKHN;

f. Các trường hợp khác mà SGDCKHN cho rằng phải chấm dứt tư cách thành viên để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

2.2. Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt bắt buộc

a. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch đặc biệt vi phạm đến mức độ buộc phải chấm dứt tư cách thành viên, SGDCKHN thực hiện các công việc sau:

- Báo cáo lên UBCKNN về việc chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc;

- Gửi công văn thông báo về ngày ngừng hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN để thực hiện chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc,trong đó nêu rõ nguyên nhân;

- Công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN về việc chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc.

b. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch đặc biệt ngừng hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái

sinh,SGDCKHN gửi công văn xác định các nghĩa vụ thành viên giao dịch đặc biệt phải thực hiện trước khi chấm dứt tư cách thành viên.

c. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch đặc biệt hoàn thành các nghĩa vụ theo như công văn của SGDCKHN hoặc sau 60 ngày kể từ ngày thông báo buộc chấm dứt tư cách thành viên theo Tiết a Điểm 2.2 Khoản 2 Điều này, SGDCKHN ra Quyết định chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh và công bố thông tin về Quyết định này trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Điều 31. Thủ tục hợp nhất thành viên

1. Các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất đồng gửi Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất (nếu ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất vẫn tiếp tục là thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu chính phủ và có nguyện vọng tiếp tục làm thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh) cho SGDCKHN tối thiểu 20 ngày trước ngày dự định hợp nhất.

2. Hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt của các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất:

- Đơn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt (theo mẫu tại Phụ lục 07/QCTVPS ban hành kèm Quy chế này);
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu của các ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất về việc hợp nhất Các ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng thương mại;
- Quyết định về việc chấp thuận hợp nhất các ngân hàng thương mại của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

3. Hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch đặc biệt cho hàng thương mại bao gồm:

- Đơn đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt đối với ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất do các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất đồng gửi (theo mẫu Phụ lục 01/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này);
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu của các ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất về việc cam kết sử dụng nguyên trạng cơ sở vật chất, hệ thống, phần mềm giao dịch, thông số kỹ thuật, địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến và/hoặc giao dịch từ xa, nhân sự, quy trình, quy chế hiện tại của một trong các ngân hàng thương mại cho ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất (trong trường hợp kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh của một trong các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất);
- Trong trường hợp ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất không kế thừa cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh của một trong các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất, các ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất đồng gửi Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ

thông tin, nhân sự phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 và Hồ sơ đại diện giao dịch theo quy định tại Quy chế này.

Điều 32. Thủ tục xét duyệt hồ sơ hợp nhất thành viên giao dịch đặc biệt

1. Các ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất phải nộp Hồ sơ đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và Hồ sơ đăng ký làm thành viên cho ngân hàng thương mại hình thành sau hợp nhất theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 31 Quy chế này.

2. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCKHN thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN về việc tiếp nhận hồ sơ chấm dứt thành viên và hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt của ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng thương mại.

3. SGDCKHN thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên giao dịch đặc biệt với (các) ngân hàng thương mại tham gia hợp nhất theo quy định tại Điều 30 Quy chế này và công nhận thành viên giao dịch đặc biệt đối với ngân hàng thương mại sau hợp nhất theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Chương IV. THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 33. Thành viên tạo lập thị trường

1. Thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt đồng thời là thành viên bù trừ được đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN.

2. Thành viên tạo lập thị trường phải đáp ứng đầy đủ điều kiện duy trì tư cách thành viên của hai tổ chức này;

3. Thành viên tạo lập thị trường phải có tối thiểu một (01) lãnh đạo và hai (02) nhân viên phụ trách hoạt động tạo lập thị trường. Nhân sự phụ trách hoạt động tạo lập thị trường phải có Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Đối với Thành viên giao dịch đặc biệt, nhân viên thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường phải là đại diện giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh;

4. Thành viên tạo lập thị trường phải đảm bảo các điều kiện về hệ thống công nghệ và quy trình nghiệp vụ phục vụ hoạt động tạo lập thị trường.

Điều 34. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường:

Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh với SGDCKHN bao gồm các tài liệu sau:

1. Đơn đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường theo quy định của SGDCKHN theo mẫu tại Phụ lục 10/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

2. Tài liệu mô tả về hệ thống nhân sự phục vụ nghiệp vụ tạo lập thị trường, Quyết định bổ nhiệm, hồ sơ cá nhân, bản sao hợp lệ chứng chỉ chuyên môn của nhân sự phụ trách hoạt động tạo lập thị trường;

3. Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tinphục vụ nghiệp vụ tạo lập thị trường đối với chứng khoán phái sinh;

4. Quy trình, tài liệu hướng dẫn hoạt động tạo lập thị trường;Quy trình, tài liệu hướng dẫn quản lý rủi ro đối với hoạt động tạo lập thị trường;

5. Các tài liệu khác theo hướng dẫn của SGDCKHN.

Điều 35. Thủ tục đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường

1. Thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt muốn đăng ký làm Thành viên tạo lập thị trường nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường cho SGDCKHN.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường, SGDCKHN có trách nhiệm trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp SGDCKHN yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCKHN. Trong thời gian xét duyệt tư cách thành viên, nếu có bất kỳ thay đổi nào so với hồ sơ đăng ký ban đầu, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCKHN gửi văn bản thông báo lịch thử nghiệm chức năng yết giá phục vụ hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của SGDCKHN.

4. Trong vòng ba (03) ngày kể từ khi nhận được báo cáo hoàn tất thử nghiệm chức năng yết giá phục vụ hoạt động tạo lập thị trường, SGDCKHN sẽ có văn bản thông báo việc chấp thuận về mặt nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường cho thành viên. Trong trường hợp từ chối, SGDCKHN sẽ trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong vòng năm(05) ngày làm việc kể từ ngày được công văn chấp thuận nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường, thành viên giao dịch phải hoàn thành các công việc sau:

a. Ký Hợp đồng tạo lập thị trường với SGDCKHN và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ khác;
b. Đăng ký tài khoản thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường;
c. Đăng ký ngày chính thức bắt đầu thực hiện tạo lập thị trường.

6. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thành viên hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch theo quy định tại Khoản 5 Điều này, SGDCKHN ra Quyết định chấp thuận tư cách Thành viên tạo lập thị trường và công bố thông tin về Thành viên tạo lập thị trường mới trên phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

7. SGDCKHN có quyền từ chối chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường khi:

a. Hồ sơ đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường có thông tin sai sự thật;

b. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được chấp thuận nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường, thành viên không thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều này;

c. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường, thành viên không hoàn thiện các thủ tục để được chấp thuận tư cách thành viên;

d. Các trường hợp khác do SGDCKHN quyết định.

Trong trường hợp từ chối chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường, SGDCKHN sẽ trả lời thành viên bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do.

8. Trường hợp công ty chứng khoán/ngân hàng thương mại nộp hồ sơ xin đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường trong cùng thời gian với hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt, SGDCKHN xem xét đồng thời hai (02) bộ hồ sơ với nguyên tắc sau:

– Việc thử nghiệm chức năng yết giá phục vụ hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của công ty chứng khoán/ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường nêu tại Khoản 3 Điều này được thực hiện đồng thời với nội dung kiểm thử hệ thống giao dịch nêu tại Khoản 5 Điều 6 và nội dung kiểm tra cơ sở vật chất kỹ thuận nêu tại Khoản 4 Điều 24 Quy chế này;

– Nội dung chấp thuận về mặt nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường được thực hiện sau khi công ty chứng khoán/ngân hàng thương mại đã được SGDCKHN cấp Quyết định công nhận thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt.

Điều 36. Quyền của thành viên tạo lập thị trường

1. Thành viên tạo lập thị trường được hưởng các quyền quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 42/2015/NĐ-CP;

2. Được thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường theo quy định của SGDCKHN;

3. Được hưởng các ưu đãi về tài chính đối với thành viên tạo lập thị trường theo thỏa thuận với SGDCKHN và phù hợp với quy định của pháp luật;

4. Được hưởng các quyền khác theo quy định của SGDCKHN và Hợp đồng tạo lập thị trường ký kết giữa thành viên tạo lập thị trường và SGDCKHN;

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường

Thành viên tạo lập thị trường phải đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 42/2015/NĐ-CP;

2. Duy trì việc đáp ứng các quy định của SGDCKHN đối với thành viên tạo lập thị trường tại Điều 33 Quy chế này;

3. Phải ký Hợp đồng tạo lập thị trường với SGDCKHN theo mẫu do SGDCKHN quy định;

4. Thực hiện nghĩa vụ yết giá, quy mô tạo lập thị trường, thời gian báo giá theo quy định của SGDCKHN;

5. Báo cáo bằng văn bản và bổ sung các tài liệu liên quan khi có bất kỳ sự thay đổi nào so với hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường ban đầu;

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế, quy định khác của SGDCKHN.

Điều 38. Chế độ báo cáo của thành viên tạo lập thị trường

1. Báo cáo định kỳ và báo cáo bất thường:

a. Thành viên tạo lập thị trường thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo bất thường như quy định đối với thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt.

b. Các báo cáo liên quan đến hoạt động của thành viên tạo lập thị trường theo hướng dẫn của SGDCKHN.

2. Báo cáo theo yêu cầu:

Trường hợp cần thiết, SGDCKHN có quyền yêu cầu thành viên tạo lập thị trường báo cáo bằng văn bản trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.

Điều 39. Đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường

1. SGDCKHN đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a. Thành viên tạo lập thị trường không tuân thủ một trong các nghĩa vụ quy định tại Điều 36 Quy chế này và SGDCKHN xét thấy cần phải đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên.

b. Thành viên tạo lập thị trường bị SGDCKHN đình chỉ tư cách thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh hoặc bị TTLKCK đình chỉ tư cách thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán phái sinh

c. Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Thời gian đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường không quá sau mươi (60) ngày. Nếu quá thời gian này mà thành viên tạo lập thị trường không khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, SGDCKHN sẽ chấm dứt hoạt động của thành viên tạo lập thị trường.

3. Thời gian đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường được quy định cụ thể trong Quyết định đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường do SGDCKHN ban hành.

Điều 40. Tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường

1. Tổ chức tạo lập thị trường muốn tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường phải gửi Đơn đề nghị tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường cho SGDCKHN ít nhất ba mươi (30) trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này và được SGDCKHN chấp thuận. Thời gian tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường không quá chín mươi (90) ngày.

2. Thời gian và phạm vi tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường được quy định cụ thể trong thông báo chấp thuận tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường của SGDCKHN. Ngày tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường do SGDCKHN quyết định.

Điều 41. Miễn trừ nghĩa vụ tạo lập thị trường

1. Thành viên tạo lập thị trường được miễn trừ nghĩa vụ tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a. Do các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, ...;

b. Do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống giao dịch từ phía SGDCKHN;

c. Do SGDCKHN nhận thấy cần thiết nhằm mục đích quản lý thị trường.

2. Trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này, thành viên tạo lập thị trường phải gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCKHN và được SGDCKHN chấp thuận.

3. Thời gian miễn trừ nghĩa vụ tạo lập thị trường do SGDCKHN quyết định.

Điều 42. Đánh giá hoạt động tạo lập thị trường

1. SGDCKHN thực hiện đánh giá hiệu quả và chất lượng hoạt động của thành viên tạo lập thị trường định kỳ hàng quý trên mỗi sản phẩm chứng khoán phái sinh mà thành viên đó đăng ký tạo lập thị trường.

2. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường dựa trên các tiêu chí về tỷ lệ hoàn thành nghĩa vụ yết giá, khối lượng giao dịch trên tài khoản tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường và các tiêu chí khác theo quy định của SGDCKHN trong mỗi kỳ đánh giá.

3. Trong quá trình thực hiện đánh giá, SGDCKHN có quyền yêu cầu các thành viên tạo lập thị trường cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ việc đánh giá. Các thành viên tạo lập thị trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác tài liệu được yêu cầu.

4. SGDCKHN quyết định phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá cụ thể, phương thức thông báo kết quả đánh giá và các vấn đề liên quan. Trường hợp có thay đổi về các nội dung này, SGDCKHN thông báo cho thành viên tạo lập thị trường trước ít nhất một kỳ đánh giá.

Điều 43. Chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường

1. Thành viên tạo lập thị trường được tự nguyện chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường sau khi có sự đồng ý của SGDCKHN.

Trong trường hợp này, thành viên tạo lập thị trường phải gửi công văn đề nghị chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường cho SGDCKHN trước ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường ít nhất ba mươi (30) ngày.

2. SGDCKHN có quyền chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a. Thành viên tạo lập thị trường vi phạm liên tục quy định về yết giá do SGDCKHN ban hành;

b. Thành viên không đạt yêu cầu của SGDCKHN theo quy định về việc đánh giá hoạt động tạo lập thị trường;
c. Hợp đồng phái sinh mà thành viên tạo lập thị trường đăng ký tạo lập thị trường bị hủy niêm yết hoặc SGDCKHN xét thấy không cần tiếp tục áp dụng cơ chế tạo lập thị trường cho hợp đồng phái sinh đó;
d. Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

3. Kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng tạo lập thị trường, Thành viên tạo lập thị trường có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đóng các vị thế mở của hoạt động tạo lập thị trường theo các điều khoản của Hợp đồng tạo lập thị trường đó.

Điều 44. Chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường

1. Thành viên tạo lập thị trường được tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường sau khi có sự đồng ý của SGDCKHN.

Trong trường hợp này, thành viên tạo lập thị trường phải gửi Đơn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường cho SGDCKHN trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường ít nhất ba mươi (30) ngày theo mẫu quy định tại Phụ lục 12/QCTVPS ban hành kèm Quy chế này.

2. SGDCKHN có quyền chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a. Thành viên tạo lập thị trường không đáp ứng được các quy định của SGDCKHN đối với thành viên tạo lập thị trường tại Điều 34 Quy chế này;
b. Thành viên tạo lập thị trường là thành viên bị SGDCKHN chấm dứt tư cách thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh và/hoặc là thành viên bù trừ bị TTLKCK chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;
c. Thành viên không đạt yêu cầu theo quy định của SGDCKHN trong các kỳ đánh giá hoạt động tạo lập thị trường và SGDCKHN xét thấy cần phải chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường;
d. SGDCKHN xét thấy không cần thiết áp dụng cơ chế tạo lập thị trường cho chứng khoán phái sinh;
e. Thành viên tạo lập thị trường không có Hợp đồng tạo lập thị trường ký với SGDCKHN trong chín (09) tháng liên tiếp;
f. Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường, thành viên tạo lập thị trường có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đóng các vị thế mở của hoạt động tạo lập thị trường trong vòng 30 ngày.

Chương V. ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH

Điều 45. Điều kiện làm đại diện giao dịch

Nhân viên được thành viên cử làm đại diện giao dịch phải đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (đối với trường hợp thành viên là công ty chứng khoán);

2. Được UBCKNN cấp Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (đối với trường hợp thành viên là công ty chứng khoán);

3. Chưa từng bị SGDCKHN xử lý kỷ luật với hình thức hủy tư cách đại diện giao dịch;

4. Hoàn thành và đạt yêu cầu kiểm tra trong chương trình đào tạo về đại diện giao dịch chứng khoán phái sinh do SGDCKHN tổ chức;

5. Có Hợp đồng lao động ký với thành viên với thời hạn tối thiểu là một (01) năm hoặc không thời hạn.

6. Trong trường hợp đã là đại diện giao dịch của thành viên khác, nhân viên này phải làm thủ tục hủy tư cách đại diện giao dịch tại thành viên cũ.

Điều 46. Cấp, cấp lại Thẻ đại diện giao dịch và hủy tư cách đại diện giao dịch

1. Cấp Thẻ đại diện giao dịch

1.1. Thẻ đại diện giao dịch được cấp cho nhân viên công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại là thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh đáp ứng các quy định tại Điều 45 Quy chế này và có hồ sơ đề nghị cấp thẻ đại diện giao dịch đầy đủ và hợp lệ.

1.2. Thành viên chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch trong các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCK

1.3. Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ đại diện giao dịch bao gồm:

a. Đơn đề nghị cấp Thẻ đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 13/QCTVPS ban hành kèm Quy chế này;

b. Bản sao hợp lệ Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán;

c. Bản sao hợp lệ Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do UBCKNN cấp;

d. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu của nhân viên được cử làm đại diện giao dịch;

e. Bản thông tin có dán ảnh đóng dấu giáp lai của nhân viên được cử làm đại diện có xác nhận của thành viên;

f. Bản sao Quyết định tuyển dụng/ Hợp đồng lao động ký kết giữa thành viên và nhân viên được cử làm đại diện giao dịch;

g. Hai (02) ảnh 3 x 4 cm đối với mỗi nhân viên.

1.4. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp thẻ đầy đủ và hợp lệ, SGDCKHN ra Quyết định cấp thẻ đại diện giao dịch cho thành viên. Trường hợp từ chối, SGDCKHN trả lời bằng công văn trong đó nêu rõ lý do.

1.5. Thẻ đại diện giao dịch không có thời hạn. Trường hợp Thành viên tự nguyện/bắt buộc chấm dứt tư cách thành viên hoặc nhân viên được cử làm đại diện giao dịch không tiếp tục làm việc tại Thành viên thì Thẻ đại diện giao dịch mặc nhiên không còn giá trị.

1.6. Thành viên phải nộp hồ sơ hủy tư cách đại diện giao dịch trong vòng (03) ngày làm việc kể từ khi Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với đại diện giao dịch có hiệu lực.

1.7. Trường hợp Hợp đồng lao động của đại diện giao dịch hết hiệu lực (đối với hợp đồng lao động có thời hạn), thành viên phải nộp bổ sung Hợp đồng lao động

2. Cấp lại Thẻ đại diện giao dịch

Trong trường hợp Thẻ đại diện giao dịch bị hỏng hoặc bị mất, Thành viên có trách nhiệm làm Đơn đề nghị SGDCKHN cấp lại thẻ đại diện giao dịch theo Mẫu quy định tại Phụ lục 14/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hủy tư cách đại diện giao dịch

SGDCKHN hủy tư cách đại diện giao dịch khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

3.1. Đại diện giao dịch không còn đáp ứng được các điều kiện cấp thẻ theo quy định tại Điều 45 Quy chế này;

3.2. Thành viên không tiếp tục chỉ định nhân viên đó làm đại diện giao dịch. Trong trường hợp này, thành viên phải nộp Đơn đề nghị hủy tư cách đại diện giao dịch theo Mẫu quy định tại Phụ lục 14/QCTVPS ban hành kèm theo Quy chế này;

3.3. Thành viên ngừng giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN để hoàn thiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện/ bắt buộc;

3.4. Đại diện giao dịch vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Quy chế này và các quy định khác về đại diện giao dịch do SGDCKHN ban hành.

Điều 47. Nghĩa vụ của đại diện giao dịch

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; các quy định, quy chế và quy trình của SGDCKHN đối với đại diện giao dịch;

2. Giữ bí mật thông tin đăng nhập hệ thống và bảo mật các thông tin liên quan đến hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN;

3. Tham gia các chương trình tập huấn cho đại diện giao dịch do SGDCKHN tổ chức.

Điều 48. Các hình thức xử lý vi phạm đại diện giao dịch

Đại diện giao dịch của Thành viên vi phạm các quy định của SGDCKHN có thể phải chịu một hoặc một số hình thức xử lý sau:

1. Nhắc nhở bằng văn bản;

2. Cảnh cáo;

3. Tạm đình chỉ hoạt động;

4. Hủy tư cách đại diện giao dịch. Trong trường hợp này, SGDCKHN sẽ công bố thông tin về quyết định xử lý vi phạm đại diện giao dịch.

Chương VI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, XỬ LÝ VI PHẠM THÀNH VIÊN

Điều 49. Hình thức và trình tự giải quyết tranh chấp

1. Việc tranh chấp của thành viên liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN được thực hiện theo hình thức hòa giải. SGDCKHN hòa giải tranh chấp theo yêu cầu của thành viên. SGDCKHN từ chối hòa giải khi tranh chấp không thuộc phạm vi giải quyết hoặc khi một trong các bên liên quan không chấp nhận hòa giải.

2. Khi giải quyết tranh chấp, SGDCKHN có quyền yêu cầu các thành viên liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung tranh chấp.

Điều 50. Nguyên tắc hòa giải

1. Việc hòa giải thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, khách quan, công bằng, tôn trọng quyền và lợi ích của các bên.

2. Các bên tham gia hòa giải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau.

3. Việc hòa giải được thực hiện dựa trên các quy trình, quy định của SGDCKHN và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải

4. Các bên có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia hòa giải tại SGDCKHN;

5. Các bên có quyền tự bảo vệ hoặc cử người làm đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

6. Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 52. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Việc xử lý vi phạm căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, thời gian, tần suất xảy ra vi phạm, mức độ tác động và thiệt hại phát sinh từ vi phạm để quyết định hình thức xử lý vi phạm phù hợp. Thời hiệu xử lý vi phạm là một năm, kể từ ngày vi phạm. Nếu quá thời hạn nêu trên thì không bị xử lý vi phạm nhưng vẫn phải khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết.

2. Đối với các vi phạm nghiêm trọng, lặp lại nhiều lần hoặc vi phạm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nhà đầu tư, SGDCKHN xử lý vi phạm đồng thời công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN.

Điều 53. Thẩm quyền xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm do Tổng Giám đốc SGDCKHN quyết định. Trường hợp thành viên vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết, SGDCKHN sẽ báo cáo UBCKNN để xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 54. Thủ tục xử lý vi phạm

Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm như sau:

1. Khi phát hiện vi phạm, SGDCKHN có thể lập biên bản, thu thập bằng chứng hoặc đình chỉ ngay hành vi vi phạm để bảo đảm an toàn cho thị trường;

2. SGDCKHN có thể yêu cầu thành viên giải trình về lỗi vi phạm trước khi quyết định hình thức xử lý vi phạm;

3. Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, SGDCKHN quyết định hình thức xử lý vi phạm phù hợp. SGDCKHN sẽ công bố thông tin đối với các hình thức xử lý vi phạm sau: đình chỉ hoạt động giao dịch; buộc chấm dứt tư cách thành viên; tạm ngừng kết nối giao dịch và các trường hợp vi phạm khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

Điều 55. Các hình thức xử lý vi phạm của thành viên

Trường hợp thành viên vi phạm các quy định của SGDCKHN, SGDCKHN sẽ áp dụng một hoặc một số hình thức kỷ luật sau:

a. Nhắc nhở bằng văn bản;

b. Cảnh cáo;

c. Tạm ngừng kết nối giao dịch;

d. Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thành viên;

đ. Buộc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch.

Việc xử lý vi phạm do Tổng Giám đốc SGDCKHN quyết định. Trường hợp Thành viên giao dịch vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của SGDCKHN, SGDCKHN sẽ báo cáo UBCKNN để xử lý vi phạm theo quy định.

Chương VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực sau..... ngày kể từ ngày ký

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng giám đốc SGDCKHN quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCKHN thông qua và được sự chấp thuận của UBCKNN./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 01/QCTVPS - Đơn đăng ký Thành viên TTCKPS

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

ĐƠN ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH
TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Chúng tôi, công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch của công ty:.....

Tên tiếng Anh:.....

Tên viết tắt:.....

được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số .... ngày .... do Uỷ ban chứng khoán Nhà nước/ Ngân hàng Nhà Nước cấp.

- Trụ sở chính: Điện thoại:
- Vốn điều lệ:
- Vốn chủ sở hữu:
- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh:
- Hình thức thanh toán bù trừ
    - Thành viên bù trừ trực tiếp
    - Thành viên bù trừ chung
    - Đã ký hợp đồng ủy thác bù trừ với đối tác:
      .....
- Cổ đông/Thành viên góp vốn (nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ).

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung của Quy chế Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh do SGDCKHN ban hành, Chúng tôi xin đăng ký như sau:

1. Loại thành viên giao dịch:

☐ Thành viên giao dịch;

☐ Thành viên giao dịch đặc biệt;

2. Hình thức kết nối giao dịch:

☐ *Kết nối qua hệ thống giao dịch trực tuyến*

- Địa điểm kết nối GDTT:

- Tên nhà cung cấp phần mềm GDTT:
- Tên phần mềm GDTT:

☐ *Kết nối qua hệ thống giao dịch từ xa*

- Số lượng máy:
- Loại máy:
- Phần mềm sử dụng:
- Số lượng nhân viên máy tính

Chúng tôi đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác, nếu được chấp thuận làm Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN, Chúng tôi cam kết:

a. Tuân thủ các quy định của Quy chế thành viên, các quy chế khác do SGDCKHN ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b. Hoạt động kinh doanh chứng khoán xứng đáng với tư cách là Thành viên giao dịch tại SGDCKHN và không làm ảnh hưởng đến uy tín của SGDCKHN.

c. Chịu mọi hình thức kỷ luật của SGDCKHN khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

....., ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

(Chức danh)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 02/QCTVPS – Danh sách quy trình và tài liệu quy định trong Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh

(Ban hành kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN căn cứ Quyết định số .../QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị)

- Quy trình mở tài khoản kèm theo mẫu Hợp đồng mở tài khoản;
- Quy trình giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Quy trình bù trừ chứng khoán phái sinh;
- Quy trình quản lý tài sản ký quỹ và xử lý tài sản ký quỹ của khách hàng;
- Quy trình Quản trị rủi ro theo quy định về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, đảm bảo nhận diện, định giá và quản trị đầy đủ các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán phái sinh
- Hướng dẫn nhà đầu tư về giao dịch và rủi ro trên thị trường chứng khoán phái sinh
- Quy trình vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh tại công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên

Phụ lục 03/QCTVPS - Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

A. Mẫu Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự phục vụ giao dịch dùng cho CTCK không phải là thành viên giao dịch trên thị trường niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

TÀI LIỆU MÔ TẢ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT, NHÂN SỰ PHỤC VỤ GIAO DỊCH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công ty:.....

1.1. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại: .....
- Fax:.....
- Website: ..... Email (nếu có):.....

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

Stt	Tên Chi nhánh/PGD	Địa chỉ	Điện thoại	Fax

2. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ;
- Vốn thực góp.

3. Thiết bị phục vụ công bố thông tin:

3.1. Màn hình hiển thị thông tin: Số lượng, chủng loại.

3.2. Bảng dán thông tin công bố:

3.3. Bản tin nội bộ (nếu có):

3.4. Các thiết bị khác.

4. Diện tích sử dụng cho hoạt động giao dịch: (kèm theo Sơ đồ bố trí mặt bằng và thuyết minh)

II. NHÂN SỰ:

1. Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn
1.						

2. Danh sách Ban (Tổng) Giám đốc:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND hoặc Hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán
1.								
2.								

3. Danh sách Ban (Tổng) Giám đốc, Trưởng các bộ phận kinh doanh chứng khoán phái sinh, Trưởng bộ phận bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh, Trưởng bộ phận quản lý rủi ro

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND hoặc Hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán/Chứng chỉ chuyên môn về CKPS và TTCKPS
1.								
2.								

4. Sơ đồ tổ chức: (các phòng ban, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban)

5. Danh sách các nhân viên kinh doanh chứng khoán phái sinh:

TT	Họ và tên	CMND/hộ chiếu			Số chứng chỉ hành nghề	Loại CCHN
		Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
I	**Trụ sở chính**					
	.....					
II	**Chi nhánh** (chi tiết từng chi nhánh)					
	...					
III	**Phòng giao dịch** (chi tiết từng phòng giao dịch)					
	.....					

III. HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

1. Hệ thống công nghệ thông tin:

- Hệ thống máy chủ (máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ giao dịch, máy chủ công bố thông tin, v.v); Hệ thống máy trạm
- Hệ thống mạng
- Hệ thống các phần mềm, các chính sách an ninh bảo mật, phân quyền sử dụng kèm theo các sơ đồ thuyết minh
- Hệ thống thiết bị sao lưu dự phòng, hệ thống lưu điện, hệ thống điện dự phòng, hệ thống thiết bị chống sét
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

2. Hệ thống giao dịch từ xa:

a. Diện tích, kết cấu khu vực nhập lệnh từ xa:

- Tổng diện tích:
- Bố trí khu vực nhập lệnh từ xa:
- Số lượng, vị trí đặt các máy trạm.
- Hệ thống cửa ra vào: thẻ từ và các thiết bị tương đương.
- Hệ thống an toàn, kiểm soát khu vực nhập lệnh: camera, thẻ từ…

b. Thiết bị tin học phục vụ hoạt động GDTX

- Đường truyền và thiết bị phục vụ GDTX

- Đường truyền chính (MPLS/VPN);
- Đường truyền phụ (MEGAWAN);
- Cổng kết nối (port WAN, port SHDSL):
- Thiết bị kết nối đường truyền chính và đường truyền phụ (Router Cisco 2800);
- Thiết bị chuyển đổi tín hiệu cable quang thành tín hiệu cable đồng (converter quang điện): không bắt buộc trang bị;
- Thiết bị chuyển mạch trung tâm (Switch LAN Cisco CE500 16 port)

- Máy tính

- Máy tính nhập lệnh:
- Máy chủ ứng dụng;
- Máy chủ dự phòng;
- Sơ đồ mạng;

  Lưu ý: nêu rõ loại máy, cấu hình máy chủ, cấu hình máy trạm.

c. Thiết bị phụ trợ:

+Điện thoại, máy ghi âm, máy fax: số lượng, chủng loại;

+Camera ghi hình: số lượng, chủng loại;

+Hệ thống quản lý thẻ từ/vân tay;

d. Hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu

- Thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu ghi hình từ camera;
- Thiết bị lưu trữ, ghi âm khi đối với hệ thống điện thoại đặt tại khu vực nhập lệnh;
- Tần suất/cách ghi và sao lưu, bảo quản dữ liệu;

e. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy: Loại thiết bị, số lượng, chức năng.

3. Hệ thống giao dịch trực tuyến:

a. Hệ thống phần mềm:

Mô tả các hệ thống phần mềm đang sử dụng phục vụ cho hệ thống giao dịch của thành viên:

Liệt kê tất cả các phần mềm đang sử dụng phục vụ cho hệ thống giao dịch của Thành viên (Ví dụ: hệ thống giao dịch, phần mềm giao tiếp với SGDCKHN, Gateway…..). Thông tin của từng phần mềm bao gồm:

(1). Thông tin chung:

-Tên phần mềm (ghi đầy đủ và tên viết tắt)

-Thông tin về nhà cung cấp phần mềm (tên, trụ sở, tên người đại diện, văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có), sốđiện thoại, email ….)

-Phiên bản phần mềm kết nối với SGDCK HN.

-Hệ điều hành:

Stt	Hệ điều hành	Phiên bản	Liệt kê chức năng

- Cơ sở dữ liệu (nếu có).

- Cấu trúc (module) phần mềm:

  - Danh sách các cổng (port) trao đổi với hệ thống nội bộ
  - Giao thức và thông tin trao đổi

Stt	Tên Module	Phiên bản	Chức năng (Liệt kê đầy đủ các chức năng của từng Module)

(2). Mô tả về chức năng lưu vết: thời gian đặt lệnh của nhà đầu tư, các dữ liệu gửi và nhận từ SGDCK HN.

(3). Mô tả về chức năng bảo mật: mức ứng dụng phần mềm, cách thức mã hóa dữ liệu, chức năng phân quyền của hệ thống.

(4). Mô tả về cách thức sao lưu và phục hồi số liệu khi có sự cố

Mô tả phương thức nhận và xử lý lệnh trong hệ thống giao dịch của Thành viên:

Mô tả về hoạt động của hệ thống nội bộ (hệ thống nhận lệnh từ các nguồn) với hệ thống giao dịch của SGDCKHN (mô tả chi tiết quy trình xử lý, có thể dùng lưu đồ khối flow chart)

Mô tả về khả năng tích hợp dữ liệu khi xảy ra trường hợp sự cố phải sử dụng hệ thống nhập lệnh khác (giao dịch từ xa, tại Sàn)

b. Hệ thống phần cứng:

Thành viên phải cung cấp các bản vẽ thiết kế có chú thích, danh sách thiết bị, giải pháp bảo mật và dự phòng… của toàn bộ hệ thống

- Mô hình kết nối Mạng nội bộ (các cấu phần của Mạng tham gia vào hoạt động giao dịch trực tuyến)
- Các thành phần, cung cấp giải pháp nhập lệnh trực tiếp cho nhà đầu tư; tối thiểu phải bao gồm các thông tin sau:

- Giải pháp cho nhà đầu tư nhập lệnh trực tiếp (qua Internet, tổng đài điện thoại, tin nhắn...);
- Thiết bị, đường truyền và phương thức kết nối phục vụ cho nhà đầu tư nhập lệnh trực tiếp;
- Giải pháp an ninh, bảo mật.
- Giải pháp công bố thông tin tức thời.

....., ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

(Chức danh)

(Ký, ghi rõ họ tên)

B. Mẫu Tài liệu mô tả cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự phục vụ giao dịch dùng cho CTCK là thành viên giao dịch thị trường niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

TÀI LIỆU MÔ TẢ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT, NHÂN SỰ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công ty:.....

1.1. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại: .....
- Fax:.....
- Website: ..... Email (nếu có):.....

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

Stt	Tên Chi nhánh/PGD	Địa chỉ	Điện thoại	Fax

2. Vốn:

- Vốn chủ sở hữu:
- Vốn điều lệ:

II. NHÂN SỰ:

1. Danh sách Ban (Tổng) Giám đốc, Trưởng các bộ phận kinh doanh chứng khoán phái sinh, Trưởng bộ phận bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh, Trưởng bộ phận quản lý rủi ro

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND hoặc Hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán/Văn bằng, chứng chỉ quốc tế
1.								
2.								

2. Sơ đồ tổ chức và số lượng nhân viên: (các phòng ban, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban)

3. Danh sách các nhân viên phụ trách nghiệp vụ chứng khoán phái sinh:

TT	**Họ và tên**	**CMND/hộ chiếu**		

		Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số chứng chỉ hành nghề	Loại CCHN
I	**Trụ sở chính**					
	.....					
II	**Chi nhánh** (chi tiết từng chi nhánh)					
	...					
III	**Phòng giao dịch** (chi tiết từng phòng giao dịch)					
	.....					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

1. Cơ sở vật chất phòng máy chủ:

Bao gồm các nội dung liên quan đến việc đảm bảo hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin được lắp đặt trong phòng máy chủ phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh như: hệ thống điện, hệ thống điều hòa, hệ thống camera giám sát, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, v.v.

2. Cơ sở vật chất phòng giao dịch từ xa:

Bao gồm các nội dung liên quan đến hoạt động và giám sát hoạt động của đại diện giao dịch tại phòng giao dịch từ xa phục vụ giao dịch chứng khoán phái sinh như: Hệ thống lưu điện, camera giám sát, ghi âm, v.v.

IV. HỆ THÔNG CÔNG NGHIỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH:

1. Hệ thống mạng: Bao gồm hệ thống đường truyền, sở đồ hệ thống mạng chi tiết, thuyết minh kỹ thuật mạng, v.v.

2. Hệ thống phần mềm giao dịch từ xa: Bao gồm số lượng máy chủ, máy trạm, phần mềm cài đặt phục vụ cho hoạt đông jnhập lệnh từ xa.

3. Hệ thống giao dịch trực tuyến chứng khoán phái sinh: Bao gồm tài liệu kỹ thuật mô tả hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên giao dịch bao gồm cả các thông tin về nhà cung cấp, phần mềm giao dịch trực tuyến, phiên bản phần mềm, hệ điều hành máy chủ, cơ sở dữ liệu, cấu trúc của phần mềm, các chức năng của phần mềm, các giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, v.v.

4. Hệ thống an ninh bảo mật: Bao gồm các chính sách an ninh bảo mật thiết lập cho hệ thống, thiết bị an ninh bảo mật, các luật về an ninh bảo mật được thiết lập trên các thiết bị an ninh bảo mật, v.v.

5. Các nội dung khác: Bao gồm Danh mục trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh, phương thức và giải pháp nhập lệnh cho nhà đầu tư, giải pháp công bố thông tin tức thời, v.v.

Địa phương, ngày tháng năm

Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 04 – Danh mục hồ sơ bổ sung đối với trường hợp công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh không là thành viên giao dịch thị trường niêm yết/đăng ký giao dịch

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

- Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
- Điều lệ công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục XI Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của công ty chứng khoán;
- Quy định, quy trình về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ của Công ty theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC.
- Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu kèm theo Bản thông tin cá nhân có dán ảnh đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, Thông tư 210/2012/TT-BTC của: Thành viên Hội đồng quản trị (hoặc Hội đồng thành viên), Ban Kiểm soát;Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và các trưởng phòng nghiệp vụ;Đại diện giao dịch, nhân viên kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và người hành nghề kinh doanh chứng khoán.
- Quyết định bổ nhiệm (Tổng) Giám đốc, nhân viên kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro;
- Bản sao hợp lệ Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của (Tổng) Giám đốc và người hành nghề kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34; văn bằng, chứng chỉ của nhân sự kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ quy định tại Điều 36, Điều 37 Thông tư 210/2012/TT-BTC;
- Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (theo mẫu Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán).

Phụ lục 05 – Mẫu báo cáo hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh hàng tháng

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

Tên công ty chứng khoán

Số:.....(số công văn)

V/v *báo cáo hoạt động tháng.... năm.....*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm .....

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

I. Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán

1. Tình hình nhân sự:

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu tháng	Số lượng người làm việc cuối tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong tháng		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối tháng
				Tăng	**Giảm**	
A. Trụ sở chính 1. Ban Giám đốc: 2. Bộ phận môi giới: 3. Bộ phận tự doanh 4. Bộ phận bảo lãnh phát hành 5. Bộ phận tư vấn đầu tư						
B. Chi nhánh 1. Chi nhánh....(tên chi nhánh): - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn 2. Chi nhánh...(tên chi nhánh - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn						
C. Phòng giao dịch 1. Phòng giao dịch...(tên phòng giao dịch) 2. Phòng giao dịch...(tên phòng giao dịch)						

Bộ phận khác						
Tổng số						

2. Tình hình cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán*

TT	**Thông tin về cổ đông**				**Thông tin về tỷ lệ nắm giữ**			
	Họ và tên (cá nhân)/Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Đầu tháng		Cuối tháng	
					Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
	...							

** Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.*

II. Mạng lưới hoạt động:

1. Mạng lưới:

TT	**Mạng lưới**	**Tên gọi**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
1	Chi nhánh			
2	Phòng giao dịch			
3	Văn phòng đại diện			

2. Các thay đổi liên quan trong tháng:

TT	**Thay đổi**	**Trụ sở chính**	**Chi nhánh**	**Phòng giao dịch**	**Văn phòng đại diện**
1	Địa điểm				
2	Đóng cửa (theo số lượng)				
3	Lập mới (theo số lượng)				
4	Tên gọi (theo số lần)				
5	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu hoặc trưởng đại diện (theo số lần)				
6	Tạm ngừng hoạt động				

7	Thay đổi nghiệp vụ kinh doanh (số lần theo trụ sở chính, theo chi nhánh, theo phòng giao dịch)				

III. Tình hình hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hoạt động môi giới chứng khoán

1.1 . Môi giới chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Số lượng tài khoản

Loại khách hàng		**Đầu tháng**	**Phát sinh trong tháng**		**Cuối tháng**	**Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch trong tháng**
			Tăng	**Giảm**		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

Trong đó đối với chứng khoán phái sinh:

Loại khách hàng		**Đầu tháng**	**Phát sinh trong tháng**		**Cuối tháng**	**Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch trong tháng**
			Tăng	**Giảm**		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

b) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng

đơn vị: đồng

Loại khách hàng		**Dư đầu tháng**	**Phát sinh trong tháng**		**Dư cuối tháng**
			Tăng	**Giảm**	
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				

Loại khách hàng		Dư đầu tháng	Phát sinh trong tháng		Dư cuối tháng
			Tăng	Giảm	
Nước ngoài	Cá nhân				
	Tổ chức				
Tổng					

c) Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Tổng số tài khoản ủy thác đầu tháng	Phát sinh trong tháng		Cuối tháng	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong tháng (triệu đồng)
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

d) Tình hình giao dịch

TT	Loại chứng khoán	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)
I	**Tổng cổ phiếu**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
II	**Tổng trái phiếu**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
III	**Tổng chứng chỉ quỹ**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
IV	**Tổng CKPS**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												

TT	Loại chứng khoán	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)	KL	GT (Tr)
V	**Tổng chứng khoán khác**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)												

1.2 Môi giới chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch

Chứng khoán	Thời gian thực hiện	Khối lượng	Giá trị
1. Tổng cổ phiếu			
Công ty...			
2. Tổng trái phiếu			
.....			
3. Tổng chứng chỉ quỹ			
.....			
4. Tổng chứng khoán phái sinh			
.....			
5. Chứng khoán khác			
.....			
Tổng cộng:			

Ghi chú: báo cáo chi tiết theo từng tổ chức phát hành.

1.3 Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán

TT	Nội dung	Đầu tháng	Cuối tháng
1	Số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ		
2	Hạn mức tín dụng cho giao dịch ký quỹ		

3	Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ		
4	Giá trị chứng khoán ký quỹ		
5	5 (năm) mã chứng khoán có số dư nợ lớn nhất		
6	Nguồn vốn tài trợ giao dịch ký quỹ: - Vốn chủ sở hữu - Vốn vay		
7	Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ: - Tiền lãi -Phí giao dịch - Các khoản thu khác		

1.4 Tổng phí môi giới thu được:

TT	**Phí môi giới**	**Đơn vị tính** (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. HCM	
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. Hà Nội	
3	Từ giao dịch chứng khoán khác:	
	Cộng	

2. Hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư tài chính

2.1 Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch trên tài khoản tự doanh

Loại CK	**Tổng mua từ đầu năm**		**Tổng bán từ đầu năm**		**Mua trong tháng**		**Bán trong tháng**		**Tổng mua cuối kỳ**		**Tổng bán cuối kỳ**	
	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)
Cổ phiếu												
Trái phiếu												
CC quỹ												
Chứng khoán phái sinh												
Tổng												

2.2 Tình hình đầu tư

TT	Tên tổ chức nhận đầu tư từ công ty chứng khoán	Giá trị đầu tư đầu kỳ (triệu đồng)	Giá trị đầu tư tăng trong kỳ (triệu đồng)	Giá trị đầu tư giảm trong kỳ	Tông giá trị cuối kỳ (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)-(5)
	Công ty....				

Lưu ý: giá trị đầu tư ghi nhận theo giá hạch toán mà công ty chứng khoán lựa chọn.

2.3 Tình hình nắm giữ chứng khoán

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ vào thời điểm báo cáo				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá mua vào	Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4) *100	(7)	(8)=(3)/(7)*100
A	Chứng khoán thương mại						
I	*Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch*						
1	Cổ phiếu A ...						
2	Trái phiếu A ...						
3	Chứng chỉ quỹ A ...						
4	CK phái sinh A ...						
II	*Chứng khoán chưa niêm yết*						
1	Cổ phiếu A ...						
2	Trái phiếu A						

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ vào thời điểm báo cáo				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá mua vào	Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4) *100	(7)	(8)=(3)/(7)*100
	...						
3	CC quỹ A ...						
4	CK phái sinh A B ...						
5	Chứng khoán khác						
B	Các khoản đầu tư, góp vốn khác	.....	.....	.....		.....	.....
	Tổng cộng:	.....	.....	.....		.....	.....

** Ghi chú:*

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch) và được phân loại theo chứng khoán đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn của công ty chứng khoán thực hiện theo chế độ kế toán công ty chứng khoán.

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (7), (8).

Phải loại trừ chứng khoán nắm giữ thuộc các giao dịch kỳ hạn chứng khoán khỏi mục này.

Các khoản đầu tư, góp vốn khác được kê chi tiết theo các khoản thành lập công ty con, công ty liên doanh liên kết, các khoản đầu tư khá

3. Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ .... đến....)	Vốn chủ sở hữu*	Tổng giá trị vốn hoạt động ròng**	Phí bảo lãnh thu được (dự thu)

** Vốn chủ sở hữu, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán theo báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh*

*** Tổng giá trị vốn hoạt động ròng=(tài sản ngắn hạn – nợ ngắn hạn)x15*

4. Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Loại tư vấn	**Số hợp đồng đã ký đầu tháng**	**Số hợp đồng đã thanh lý trong tháng**	**Số hợp đồng ký mới trong tháng**	**Số hợp đồng còn hiệu lực cuối tháng**	**Phí thu được trong tháng**
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh					
III. Tư vấn tài chính					
1. Tư vấn ..					
2. Tư vấn ..					
3. Tư vấn ..					
Cộng					
IV. Dịch vụ khác:					
1.					
2.					
Cộng					
Tổng cộng					

IV. Tình hình tài chính:

1. Tóm tắt trạng thái tài sản

Tài sản	**Đầu tháng**	**Cuối tháng**	**Nguồn vốn**	**Đầu tháng**	**Cuối tháng**
A. Tài sản ngắn hạn			**A. Nợ phải trả**		

Tài sản	Đầu tháng	Cuối tháng	Nguồn vốn	Đầu tháng	Cuối tháng
I. Tiền và các khoảntương đương tiền			I. Nợ ngắn hạn - Vay ngắn hạn - Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán - Phải trả ngắn hạn khác		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - Đầu tư ngắn hạn: - Dự phòng đầu tư ngắn hạn:			II. Nợ dài hạn - Nợ dài hạn - Phải trả dài hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn - Phải thu ngắn hạn có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày - Phải thu ngắn hạn có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Dự phòng các khoản phải thu			IV. Vốn chủ sở hữu - Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Thặng dư vốn cổ phần - Cổ phiếu quỹ - Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính - Lợi nhuận chưa phân phối		
V. Hàng tồn kho					
VI. Tài sản ngắn hạn khác					
B. Tài sản dài hạn					
I. Các khoản phải thu dài hạn					
II. Tài sản cố định					
III. Bất động sản đầu tư					
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn - Đầu tư vào công ty con - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết - Đầu tư tài chính dài hạn					

Tài sản	Đầu tháng	Cuối tháng	Nguồn vốn	Đầu tháng	Cuối tháng
- Đầu tư dài hạn khác - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn					
V. Tài sản dài hạn khác					
Tổng tài sản			**ổng nguồn vốn**		

2. Kết quả kinh doanh

STT	Khoản mục	Trong tháng	Lũy kế trong năm
1	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh		
2	Tổng chi phí: - Chi phí cho hoạt động kinh doanh - Chi phí quản lý doanh nghiệp		
3	Lợi nhuận trước thuế		

V. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo	Phụ trách bộ phận kiểm soát nội bộ	(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÓNG/MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH VÀ KHÁCH HÀNG ỦY QUYỀN

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

***Kính gửi*:Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên thành viên:

Mã thành viên: **Kỳ báo cáo:** **Tháng năm**

I. Tổng hợp

STT	KHÁCH HÀNG	SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN			
		Đầu kỳ	Mở trong tháng	Đóng trong tháng	Cuối kỳ
1	**TRONG NƯỚC**				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
2	**NƯỚC NGOÀI**				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	TỔNG CỘNG				

- Nội dung báo cáo bao gồm toàn bộ tài khoản được mở, đóng, ủy quyền và thay đổi thông tin trong tháng tại toàn công ty, gồm cả tài khoản có ủy quyền và không ủy quyền; cá nhân, tổ chức, trong nước và nước ngoài và cả khách hàng đặt lệnh tại công ty chứng khoán nhưng lưu ký tại các Thành viên lưu ký khác

- Sử dụng bảng mã Unicode;

- Đối với mục II, III, IV, V, VI: Nếu khách hàng là tổ chức, phải ghi rõ tên

- Các trường về số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD: định dạng text

- Các trường về ngày tháng: định dạng dd/mm/yyyy-kiểu text.

II. Danh sách khách hàng mở tài khoản

STT	Tên khách hàng	Mã TK	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp	Loại hình	Ngày mở	Quốc tịch	Ghi chú
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**	**(10)**	**(11)**

III. Danh sách khách hàng đóng tài khoản

TT	Tên khách hàng	Mã tài khoản	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp	Loại hình	Ngày mở TK	Ngày đóng TK	Quốc tich	Ghi chú
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**	**(10)**	**(11)**	**(12)**

Trong đó: *(Áp dụng cho mục II và III)*

Cột "Loại hình": nếu là cá nhân viết tắt là CN, nếu là tổ chức viết tắt là TC

(Áp dụng cho mục II, III, IV)

Cột "Quốc tịch": Nếu là Việt Nam viết tắt VN, các quốc tịch khác ghi đầy đủ tên nước.

(Áp dụng cho mục II, III, IV, V)

Cột "Ghi chú" (áp dụng cho mục II,III,IV,V, VI) : *Nội dung của ghi chú như sau:*

Ghi "1": Nếu khách hàng là Thành viên Ban Giám Đốc của công ty chứng khoán

Ghi "2": Nếu khách hàng là Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán

Ghi "3": Nếu khách hàng là Thành viên Ban Kiểm Soát của công ty chứng khoán

Ghi "4": Nếu khách hàng là Kế toán trưởng của công ty chứng khoán

Ghi "5": Nếu khách hàng là nhân viên của công ty chứng khoán có giấy phép hành nghề

Ghi "6": Nếu khách hàng là nhân viên của công ty chứng khoán làm đại diện giao dịch

Ghi "7": Nếu khách hàng là nhân viên của công ty chứng khoán ngoài các đối tượng trên

Trường hợp đáp ứng yêu cầu cả 2 điều kiện thì ghi kết hợp. Ví dụ: nếu khách hàng là Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời có giấy phép hành nghề thì ghi "2,5"

IV. Danh sách khách hàng thay đổi thông tin

STT	Tên khách hàng	Mã TK cũ	Mã TK mới	Ngày thay đổi thông tin	Thay đổi thông tin về CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD						Thay đổi thông tin về địa chỉ		Thay đổi thông tin về Q.tịch		Thay đổi thông tin về Ghi chú	
					Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD cũ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD mới	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Quốc tịch cũ	Quốc tịch mới	Ghi chú cũ	Ghi chú mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Trong đó:

-Khách hàng thay đổi thông tin nào (CMND hay địa chỉ, quốc tịch) thì ghi vào cột tương ứng và chỉ thực hiện báo cáo khi có phát sinh

-Trường hợp khách hàng thay đổi số tài khoản giao dịch tại công ty chứng khoán, công ty chứng khoán báo cáo theo nội dung mục II và III. Đối với các trường hợp thay đổi mãi tài khoản giao dịch khác, công ty chứng khoán khai báo vào cột (3) và (4)

Trường hợp khách hàng thay đổi nội dung ghi chú, công ty chứng khoán báo cáo lại theo nội dung ghi chú như mục II và III

V. Danh sách khách hàng ủy quyền

STT	Tên khách hàng uỷ quyền	Mã TK	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD người UQ	Địa chỉ người UQ	Ngày Uỷ quyền	Tên người nhận uỷ quyền	Số CMND/ Hộ chiếu người nhận UQ	Địa chỉ người nhận UQ	Phạm vi uỷ quyền	Thời hạn ủy quyền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

VI. Danh sách khách hàng chấm dứt, thay đổi nội dung ủy quyền

STT	Tên khách hàng uỷ quyền	Mã TK	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD của khách hàng UQ	Ngày Uỷ quyền	Tên người nhận UQ	Ngày chấm dứt Uỷ quyền	Ngày thay đổi ND uỷ quyền	Thay đổi CMND/ Hộ chiếu người nhận UQ		Thay đổi địa chỉ người nhận UQ		Thay đổi phạm vi uỷ quyền		Thay đổi thời hạn ủy quyền	
								Số CMND/ Hộ chiếu cũ	Số CMND/ Hộ chiếu mới	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Phạm vi uỷ quyền cũ	Phạm vi uỷ quyền mới	Thời hạn cũ	Thời hạn mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Trong đó: (Áp dụng cho cả mục V và VI)

Cột "Phạm vi ủy quyền":

+ Ghi "1": nếu uỷ quyền đặt lệnh mua/bán/huỷ/sửa đối với chứng khoán

+ Ghi "2": nếu uỷ quyền gửi và rút tiền trên tài khoản tiền

+ Ghi "3": nếu uỷ quyền gửi và rút chứng khoán trên tài khoản chứng khoán

+ Ghi “4”: nếu uỷ quyền ứng trước tiền

+ Ghi “5”: nếu uỷ quyền cầm cố chứng khoán

+ Ghi "0" nếu uỷ quyền Toàn bộ

+ Trường hợp khách hàng kết hợp nhiều mục ủy quyền, ví dụ ủy quyền đặt lệnh mua/bán/sửa/hủy đối với chứng khoán và gửi rút tiền trên tài khoản tiền, công ty chứng khoán ghi rõ “1,2”

Cột “Thời hạn ủy quyền”: Ghi rõ ngày ủy quyền có hiệu lực cuối cùng, định dạng dd/mm/yyyy. Nếu ủy quyền là không có thời hạn, ghi “VH”

(Áp dụng cho mục VI)

Cột (7): Trường hợp khách hàng chỉ chấm dứt ủy quyền thì ghi ngày chấm dưt ủy quyền

Cột (9), (10), (11), (12), (13) (15) (16): Nếu khách hàng thay đổi nội dung về mục nào thì ghi vào mục đó

……., ngày … tháng … năm …

Người lập	**(Tổng) Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 07 – Đơn xin chấm dứt tư cách thành viên giao dịch/ thành viên giao dịch đặc biệt

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH/ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Chúng tôi, công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại .....
là Thành viên giao dịch/ Thành viên giao dịch đặc biệt thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN theo Quyết định số……ngày……
Nay, chúng tôi đề nghị được chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch/ thành viên đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN kể từ ngày...
Lý do:
……
……
Chúng tôi đề nghị ngừng hoạt động giao dịch kể từ ngày…….. để hoàn tất thủ tục chấm dứt tư cách thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh.
Chúng tôi xin gửi kèm theo các giấy tờ liên quan như sau:

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu về việc chấm dứt tư cách thành viên;
2. Phương án xử lý các hợp đồng chứng khoán phái sinh, hợp đồng cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, phương án xử lý các tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng và phương án xử lý nghĩa vụ tài chính chưa hoàn thành đối với SGDCKHN;
3. Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên trên 01 tờ báo viết hàng ngày có phạm vi phát hành toàn quốc.
4. Thỏa thuận/Hợp đồng chuyển giao tài khoản giao dịch khách hàng, tài sản ký quỹ khách hàng cho thành viên khác.
5. Thông báo ngừng mở tài khoản giao dịch mới và ngừng ký kết hợp đồng mới với khách hàng vào ngày ... tháng ... năm...
6. Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.
Đề nghị SGDCKHN xem xét, chấp thuận chấm dứt tư cách thành viên trên TTCKPS

Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)	(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục 08 – Phương án xử lý khi chấm dứt tư cách thành viên

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG ĐỂ CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Chúng tôi, công ty chứng khoán .....

là Thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số……. ngày …./…/…

Chúng tôi xin gửi Phương án xử lý tài khoản giao dịch của khách hàng để tiến hành các thủ tục chấm dứt tư cách thành viên trên thị trường chứng khoán phái sinh như sau:

- Thời điểm và phương thức công bố thông tin, thông báo đến khách hàng về việc chấm dứt tư cách thành viên trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Ngày dự kiến ngừng giao dịch;
- Ngày dự kiến chấm dứt tư cách thành viên;
- Ngày ngừng mở tài khoản giao dịch và ký kết hợp đồng mới với khách hàng liên quan đến chứng khoán phái sinh giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thời gian chốt số dư tài khoản giao dịch, tài sản ký quỹ:
- Thời gian ngừng giao dịch để chốt số dư tài khoản khách hàng:
- Thời hạn tất toán hoặc chuyển tài khoản, tài sản ký quỹ của khác hàng cho thành viên thay thế theo yêu cầu của khách hàng;
- Phương án xử lý đối với tài khoản tồn, tài khoản có tranh chấp:

Nếu khách hàng chưa làm thủ tục tất toán tài khoản thì dự kiến ngày …./…./….. Công ty sẽ tự động chuyển tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng sang Công ty chứng khoán……

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật

Chức danh

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 09/QCTVPS - Mẫu Đơn đề nghị hợp nhất thành viên giao dich đối với CTCK tham gia hợp nhất

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
HỢP NHẤT THÀNH VIÊN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Thông tin về các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất: (điền đầy đủ thông tin như sau của các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất)

Công ty (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số…. do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.. /… /…
- Địa chỉ trụ sở chính:….
- Người đại diện theo pháp luật của công ty:….
- Là Thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN theo Quyết định số….ngày…. / … /…

Để thực hiện thủ tục hợp nhất công ty chứng khoán, chúng tôi đề nghị:

1. Được chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN kể từ ngày: / / ; ngừng hoạt động giao dịch của Công ty chứng khoán……trên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN kể từ ngày / / để hoàn tất thủ tục hợp nhất.

2. Đăng ký làm thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất từ CTCK.....và CTCK.....như sau:

- Tên giao dịch:.....
- Tên tiếng Anh:.....
- Tên viết tắt:.....
- Trụ sở chính: .....
- Điện thoại:..... Fax: .....
- Vốn điều lệ:.....

- Nghiệp vụ kinh doanh:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....
- Cổ đông/Thành viên góp vốn (nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ).

- Hình thức kết nối giao dịch:

☐*Kết nối qua hệ thống giao dịch trực tuyến:*

- Địa điểm kết nối GDTT:
- Tên nhà cung cấp phần mềm GDTT:
- Tên phần mềm GDTT:

☐*Kết nối qua hệ thống giao dịch từ xa:*

- Địa điểm kết nối GDTX:
- Số lượng máy tính nhập lệnh GDTX:

Người đại diện liên hệ:

- Họ và tên:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại liên hệ:.....
- Email:.....

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung trên đây và hồ sơ kèm theo và cam kết:

(1) Tuân thủ các quy định của Quy chế thành viên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN, các quy chế, quy định khác do SGDCKHN ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(2) Chịu mọi hình thức kỷ luật của SGDCKHN khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

Đại diện CTCK.....	**Đại diện CTCK.....**
Người đại diện theo pháp luật	**Người đại diện theo pháp luật**
(Chức danh)	**(Chức danh)**
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)	(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục 10 – Đơn đăng ký tư cách thành viên tạo lập thị trường

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, công ty chứng khoán/Ngân hàng Thương Mại:

- Tên giao dịch của công ty/ngân hàng:
- Tên tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày…..tháng….năm do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- Là thành viên giao dịch/ thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán Phái sinh theo Quyết định số…. do SGDCKHN ban hành ngày…. tháng…. năm….;
- Là thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán Phái sinh theo Quyết định số…. do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành ngày…. tháng…. năm….;
- Được Ngân hàng Nhà nước cho phép đầu tư chứng khoán phái sinh và bù trừ chứng khoán phái sinh theo Quyết định số... ngày…. tháng… năm… (nếu là Ngân hàng Thương mại)
- Trụ sở chính: Điện thoại:
- Vốn điều lệ:
- Vốn chủ sở hữu:
- Nghiệp vụ Kinh doanh:

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung liên quan đến thành viên tạo lập thị trường tại Quy chế thành viên thị trường chứng khoán phái sinh ban hành kèm Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm (Quy chế thành viên) và Quy chế Giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm (Quy chế giao dịch), chúng tôi xin đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN như sau:

1. Thời hạn tham gia hoạt động tạo lập thị trường: *Không thời hạn hoặc ....tháng kể từ ngày được chấp thuận*
2. Kết nối giao dịch:

+ Địa điểm kết nối thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường:

+ Tên nhà cung cấp phần mềm tạo lập thị trường:

+ Tên phần mềm tạo lập thị trường:

3. Nhân sự phụ trách nghiệp vụ tạo lập thị trường:

Tên Giám đốc/Phó Giám đốc hoặc/và Nhân viên nghiệp vụ phụ trách hoạt động Tạo lập thị trường *(Điền đầy đủ các thông tin sau đối với mỗi cá nhân):*

- Tên:……
- Chức vụ:……
- Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán số:
- Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh

(Hồ sơ, quyết định bổ nhiệm các cá nhân trên đính kèm với Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường).

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Nếu được chấp thuận làm thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN, chúng tôi cam kết:

- Tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường tại Quy chế Thành viên, Quy chế Giao dịch và các quy chế khác do SGDCKHN ban hành, các điều khoản và điều kiện được quy định trong Hợp đồng tạo lập thị trường và các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh xứng đáng với tư cách là thành viên tạo lập thị trường của SGDCKHN và không làm ảnh hưởng đến uy tín của SGDCKHN.
- Chịu mọi hình thức kỷ luật của SGDCKHN khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên

Địa phương, ngày tháng năm

Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành	**Chủ tịch HĐQT/Hội đồng thành viên**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 11 – Đơn đề nghị tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: **Sở Giao dịch chứng khoán ...**

Chúng tôi, công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại .....

là Thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN theo Quyết định số……ngày……

Nay, chúng tôi đề nghị được tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường (theo quy định tại Điều Quy chế thành viên) trên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN như sau:

Chúng tôi đề nghị ngừng hoạt động tạo lập thị trường kể từ ngày…….. đến ngày ..... cho các sản phẩm sau:

- Hợp đồng tương lai trên chỉ số:
- Hợp đồng tương lai trên trái phiếu chính phủ:

Sau thời gian trên, hoạt động tạo lập thị trường của chúng tôi sẽ diễn ra bình thường theo quy định.

Lý do:

……

……

Chúng tôi cam kết thực hiện công bố thông tin về việc tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường này theo quy định của SGDCKHN, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường cho các giao dịch diễn ra trước và sau thời gian tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đề nghị SGDCKHN xem xét, chấp thuận cho chúng tôi được tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh trong thời gian nêu trên.

Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)	(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục 12 – Đơn đăng ký chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: **Sở Giao dịch chứng khoán ...**

Chúng tôi, công ty chứng khoán/ ngân hàng thương mại .....

là Thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của SGDCKHN theo Quyết định số……ngày……

Nay, chúng tôi đề nghị được chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường (theo quy định tại Điều 42 Quy chế thành viên thị trường chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN) như sau:

Chúng tôi đề nghị ngừng hoạt động tạo lập thị trường kể từ ngày……... Sau thời gian trên, Hợp đồng tạo lập thị trường giữa chúng tôi và SGDCKHN sẽ không còn hiệu lực.

Lý do:

……

……

Chúng tôi cam kết thực hiện công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy định của SGDCKHN, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường đối với Sở cho các giao dịch diễn ra trước thời điểm chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường.

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đề nghị SGDCKHN xem xét, chấp thuận cho chúng tôi chấm dứt tư cách thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh.

Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)	(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục 13. Mẫu đơn đề nghị cấp Thẻ đại diện giao dịch

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

Tên công ty

Số:.....(số công văn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày… tháng … năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ĐẠI ĐIỆN GIAO DỊCH

***Kính gửi*:Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Chúng tôi, Công ty ..... là thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số ... do Tổng Giám đốc SGDCKHN cấp ngày.../.../..., đề nghị SGDCKHN cấp thẻ đại diện giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh cho những nhân viên có tên dưới đây:

(Điền đầy đủ các thông tin sau đối với mỗi cá nhân đề nghị cấp thẻ)

Họ tên

Giới tính:

Sinh ngày

CMND số: Cấp tại:

Chứng chỉ hành nghề KDCK số:

Địa chỉ email nhận mật khẩu đăng nhập hệ thống:

Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số:

....., ngày tháng năm

(Tổng) Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 14: Mẫu Đơn đề nghị cấp lại, hủy tư cách đại diện giao dịch

(Kèm theo Quy chế Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại SGDCKHN ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày tháng năm của Tổng giám đốc SGDCKHN)

Tên công ty

Số:.....(số công văn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày… tháng … năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH/HỦY TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH

***Kính gửi*:Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Chúng tôi, Công ty chứng khoán ..... là Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số ... do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày /.../..., đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp lại thẻ đại diện giao dịch (hủy tư cách đại diện giao dịch) thị trường niêm yết và/hoặc thị trường đăng ký giao dịch của những nhân viên có tên sau đây :

1. Họ tên

- Mã số đại diện giao dịch:
- Số Seri thẻ:
- Cấp ngày: ...
- Lý do xin cấp lại:
- Lý do xin hủy tư cách đại diện giao dịch:

☐Chấm dứt HĐLĐ ☐Luân chuyển công tác khác tại Công ty

....., ngày tháng năm

(Tổng) Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)